TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 07 - 2023
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Mỹ**

2. Bà Trần Lệ Nga

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Kim Hồng**– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HN ngày 09 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Kim X, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6 ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô L6 – S8 cụm dân cư khu phố 4, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Kim X trình bày:*** Chị X và Tùng tự nguyên yêu thương nhau rồi tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 07/12/2017. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi về sống cùng gia đình bên chồng tại số nhà Lô L6 – S8 cụm dân cư khu phố 4, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay.

Lý do xin ly hôn: Do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải nhau, anh T còn thường xuyên uống rượu về chị chị X có lần dẫn đến đánh nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị X và anh T không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Thị Kim X xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 13/10/2018 hiện nay đang sinh sống với anh T. Chị X giao người con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Xây không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Kim X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng anh Nguyễn Thanh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên đã vi phạm Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Thị Kim X được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 13/10/2018 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị X cấp dưỡng nỗi tháng 1.000.000 đồng; Tài sản chung, nợ chung: Chị X xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Thị Kim X khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh T và anh T là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị X tại Tòa án. Tuy nhiên, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh T cố tình tránh mặt. Tại phiên toà nguyên đơn chị X yêu cầu xét xử vắng mặt anh T theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Thị Kim X và anh Nguyễn Thanh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 07/12/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị X và anh T không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, chị X xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị X bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân tính tình giữa vợ chồng chị X và anh T không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải nhau. Ngoài ra, anh T còn thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện cự cải, có lần dẫn đến đánh nhau. Trong thời gian chị X, anh T sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị X cũng như chứng cứ do chị X cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh T là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh T.

[5] Về quan hệ con chung: Chị X xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 13/10/2018 hiện nay đang sinh sống với anh T. Chị X giao người con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu K đã chung sống với anh T từ nhỏ nên để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển tâm sinh lý của cháu K nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Thị Kim X cấp dưỡng nuôi người con tên K mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Kim X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh T có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị Kim X là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Kim X được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao người con tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 13/10/2018 cho anh Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Thị Kim X cấp dưỡng nuôi người con tên K mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/08/2023 và ngày thực hiện tiếp theo là ngày 01 hàng tháng.

Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng hoặc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G thực hiện.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị X không cấp dưỡng số tiền nêu trên thì hàng tháng chị X còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Chị Thị Kim X có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Kim X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thị Kim X phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* chị X được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005046 ngày 01/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, chị X còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/07/2023). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh